

Số: **347/2025/QĐST-HNGĐ**

Quận Hai Bà Trưng, ngày 09 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 88, Điều 101 và Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số **820/2024/TLST-HNGĐ** ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc: *Xác nhận cha cho con.*

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Lê A** - sinh năm 1995; HKTT: Số A, tổ B, phường T, quận H, Hà Nội; nơi ở: Số B ngách G ngõ L, phường V, quận Đ, Hà Nội;

Bị đơn: Bà **Lê Thanh H** - sinh năm 1971; HKTT và nơi ở: Số A, tổ B, phường T, quận H, Hà Nội;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Văn S** – sinh năm 1963; HKTT và nơi ở: N, xã D, huyện Đ, Hà Nội.

2. Ông **Trần Ngọc S1** – sinh năm 1967; HKTT và nơi ở: N, xã D, huyện Đ, Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định ông **Trần Văn M** – sinh năm 1961; chứng minh nhân dân số: **011470557** do Công an thành phố H cấp ngày 14/3/2008, đã chết ngày 13/12/2011 (Giấy chứng tử số 107, quyển số 01.2011 ngày 19/12/2011 do UBND xã D, huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp), là cha đẻ của anh **Bùi Lê A** - sinh năm 1995; HKTT: Số A, tổ B, phường T, quận H, Hà Nội; căn cước công dân số: **001095015572** do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 07/02/2018, theo Bản Kết luận giám định ADN số 22T5/01/25/DNA và Bản Kết luận giám định ADN số 22T5/02/25/DNA của Công ty TNHH Đ lập ngày 22/5/2025.

2.2. Anh Bùi Lê A và mẹ đẻ là bà Lê Thanh H (Giấy khai sinh số 74, quyển số 01, đăng ký ngày 03/5/1995 tại UBND phường B, quận H, thành phố Hà Nội) có trách nhiệm đến cơ quan hộ tịch có thẩm quyền để làm thủ tục cải chính hộ tịch, đăng ký tên người cha đẻ là ông **Trần Văn M**, đồng thời có quyền đổi họ sang họ Trần theo họ của người cha đẻ trong Giấy khai sinh của anh Bùi Lê A theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. Về án phí: Nguyên đơn là anh Bùi Lê A tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Lê A đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **0024510** ngày 28/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Nay anh Lê A được hoàn trả số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội;
- UBND phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Hoàng Phương